

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1975; HKTT: Số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; HKTT: Số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 07/3/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N là phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91/KH/2005, quyền số 01 ngày 18/7/2005.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu ông Nguyễn Văn C cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/5/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 06/6/2024 và ngày 28/6/2024 nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Quá trình xác minh, bị đơn ông C hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

** Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông C do Tòa án tiến hành ngày 10/4/2024, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Quá trình bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn C sinh sống tại địa phương chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn C có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Nên chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn C là gì cũng như công việc, thu nhập của họ nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại: Số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp ly hôn”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 06/6/2024 và ngày 28/6/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 18/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N là phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91/KH/2005, quyển số 01 ngày 18/7/2005. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt theo triệu tập của Tòa án không có lý do.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Từ việc nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn không tham gia hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân đã thể hiện bà T và ông C không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với nhau; hai bên cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Đương sự trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Văn C về việc: Tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 91/KH/2005, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã N là phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/7/2005).

1.2. Về con chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004552 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam